TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 31-5-2022
"V/v xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Thanh
Ông Nguyễn Đinh Cường

-***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2021, về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2022 giữa các đượng sự:

* ***Nguyên đơn***: **Anh Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp R, xã TA, huyện V1, tỉnh Vĩnh Long.

* ***Bị đơn:*** **Chị Phạm Thanh T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án n*guyên đơn anh Nguyễn Thanh V trình bày*: Nguyên vào đầu năm 2001, anh và chị Phạm Thanh T kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện V1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/10/2001 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124/2001.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại ấp R, xã TA, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thanh T.

Con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Hoài L, sinh ngày 25/3/2001 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày

15/01/2009, hiện đang sống với anh V. Sau khi ly hôn, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Y, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; riêng cháu L đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Phạm Thanh Thúy nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn chị Phạm Thanh T vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Phạm Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, anh Nguyễn Thanh V và chị Phạm Thanh T kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TA, huyện V1, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 29/10/2001 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124/2001. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh V và chị T là hôn nhân hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống anh V cho rằng vợ chồng hạnh phúc ,đến năm 2016 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, chị T đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh V nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh V và chị T trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên xét việc anh V yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh V xác định vợ chồng có có 02 là Nguyễn Hoài L, sinh ngày 25/3/2001 và Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15/01/2009, hiện đang sống với anh V, anh V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Như Y, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15/01/2009 cũng có nguyện vọng sống với cha là anh V nếu cha mẹ ly hôn nhau. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu Như Y cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bên trực tiếp nuôi con chưa yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Riêng con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 25/3/2001 đã trưởng thành

và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh V.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Thanh V được ly hôn với chị Phạm Thanh T.

2/Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 15/01/2009, cho anh Nguyễn Thanh V tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bên trực tiếp nuôi dưỡng chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 25/3/2001 đã trưởng thành và tự lo được cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/Về án phí: Anh Nguyễn Thanh V phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số No 0006800 ngày 24 tháng 11 năm 2021, anh V không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAT;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
-UBND xã TA;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Võ Thị Tám